

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/08/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RC4+TTC1	7:25	0+20+0	0+0+0		1+13+0	0+0+0	Chuyen 6 tu RC4-TTC1
2		TD3+RP1+P9	7:25	8+9+5	0+0+0		0+8+10	0+0+0	
3		TTC2+MRM+CLO	7:25	2+20+0	0+0+0		0+8+4	0+0+0	
4		P1+PPD+BK14	7:25	6+16	0+0		5+11+4	0+0	
5		MRM+P4	9:25	10+12	0+0		0+11	0+0	
6		BK3+P2+VSP01	9:25	4+13+4	0+0+0		0+10+7	0+0+0	
7		P10+CTK3+RP1	9:25	10+11+0	0+0+0		8+12+2	0+0+0	

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2020	TO: RP3 - RC4 - TTC1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hồi - KHOÀN - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HOÀ	RP3	50-51	2	12		65	KHI	Vietnamese
2	HA VAN PHUONG	RP3	55	1	6		57	PVDTRAINI	Vietnamese
3	VU DUY PHUONG	RP3	39	1	7		68	PVDTRAINI	Vietnamese
4	HO TRONG HUY	RP3	46	1	10		80	PVDTRAINI	Vietnamese
5	HOANG THANH TUYEN	RP3	59	1	6		84	PVDTRAINI	Vietnamese
6	DO QUOC VU	RP3	54	1	3		62	PVDTRAINI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN QUYNH	RP3	52	1	7		81	PVDTRAINI	Vietnamese
8	TRAN XUAN ANH	RP3	57	1	4		55	PVDTRAINI	Vietnamese
9	VU DUY PHU	RP3	45	1	5		72	PVDTRAINI	Vietnamese
10	NGUYEN TAT KHANH	RP3	58	1	12	16	74	PVDTRAINI	Vietnamese
11	VO VAN NHAN	RP3	48-49	2	10	23	67	PVDTRAINI	Vietnamese
12	LAI TUAN KY	RP3	40	1	5	40	105	PVDTRAINI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH HA	RP3	53	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	BUI DUC KHANH	RP3	44	1	5		57	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN VY	RP3	64	1	6		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	43	1	4		67	PSV	Vietnamese
17	TRAN THANH HAI	RP3	42	1	4		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN DUY CHINH	RP3	56	1	3		57	PSV	Vietnamese
19	LE THANH HAI	RP3	41	1	6		62	PSV	Vietnamese
20	PHAM QUANG HUY	RP3	47	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	22	123	1.373	79	13		CHUYEN 06 PAX TU RC4 SANG TTC1
2	RC4	0	0	0	0	15	1 + 6		
3	TTC1	0	0	0	0	60	0		
TOTAL		20	22	123	1.373	154	14		
WEIGHT KG				123	1.373	154			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD3 - RP1 - P9	CREW: QViệt - VThắng - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH NGOC TU	TD3	07	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN HONG DIEP	TD3	56	1	10		73	CODIEN	Vietnamese
3	HA MANH HOANG	TD3	55	1	12		71	CODIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	TD3	57	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ HOAI THIÊN	TD3	31	1	14		75	DVL	Vietnamese
6	KIEU TUAN ANH	TD3	30	1	9		86	DVL	Vietnamese
7	PHAN CHINH QUY	TD3	54	1	5		75	PSV	Vietnamese
8	PHAN MINH TUAN	TD3	70	1	5		75	PSV	Vietnamese
9	VU VAN TOAN	RP1				80	71	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG THANG	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HUNG	RP1	81	1	7	28	83	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH BANG	RP1	83-84	2	7		82	PSV	Vietnamese
13	DUONG VAN THACH	RP1	80	1	6		72	PSV	Vietnamese
14	TRAN VUONG CHINH TONG	RP1	87	1	7		63	PSV	Vietnamese
15	PHAM THE THUAN	RP1	86	1	5		72	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN HUU NHAN	RP1	88	1	8		72	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG PHUONG	RP1	85	1	5		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC MINH	P9	33	1	4	15	56	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CHIEU	P9	75	1	5		69	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN HAI TRUNG	P9	36	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HUU TUYET	P9	74	1	6		54	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC ANH	P9	34	1	7		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	8	8	75	595	0	1		
2	RP1	9	8	45	652	108	8		
3	P9	5	5	27	315	15	10		
TOTAL		22	21	147	1.562	123	19		
WEIGHT KG				147	1.562	123			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	TO: TTC2 - MRM - CLO	CREW: ĐỨC - VTHU - Luy	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HỮU CHÍNH	TTC2	09	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HUY MẠNH	TTC2	08	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	KHALITOV N. G.	MRM	23	1	4		78	KHOAN	Russian
4	KIIASHKO VITALII	MRM	20-21	2	13		105	KHOAN	Russian
5	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	68	1	7		75	KHOAN	Russian
6	KUSHNAREV IGOR	MRM	97	1	8		92	KHOAN	Russian
7	KARAVKA ANTON	MRM	82	1	8		85	KHOAN	Russian
8	TELEGIN IGOR	MRM	24	1	7		79	KHOAN	Russian
9	SHPIRKO ALEKSANDR	MRM	87-88	2	20		92	KHOAN	Russian
10	ILMENTEV ANDREI	MRM	89-90	2	20		53	KHOAN	Russian
11	SIZOV DMITRII	MRM	66-67	2	18		90	KHOAN	Russian
12	ZYANGIROV FARIT	MRM	25	1	11		87	KHOAN	Russian
13	NGUYỄN BA TUÂN	MRM	64	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
14	DONG KY ANH	MRM	95-96	2	16		71	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUY MINH	MRM	93-94	2	17		96	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN TUAN NGHIA	MRM	22	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
17	VO XUAN QUANG	MRM	44	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
18	LUU VAN LOI	MRM	69-70	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC HUƠNG	MRM	65	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
20	TONG VAN THE	MRM	91-92	2	18		75	KHOAN	Vietnamese
21	KHOKHLOV V.	MRM	83-84	2	15		90	KHOAN	Russian
22	ALEXANDROVICH I.	MRM	85-86	2	15		80	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	2	2	21	142	0	0		
2	MRM	20	30	226	1.568	0	6		
3	CLO	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	32	247	1.710	0	10		
WEIGHT KG				247	1.710	0			

GRAND TOAL: 1.957 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: P1 - PPD - BK14	CREW: Vận - VLin - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ BÁ ĐỘ	P1	08-09	2	10		60	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG TÙNG	P1	07	1	8		69	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P1	05	1	5		75	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	02	1	3	5	64	PSV	Vietnamese
5	BUI VĂN QUÂN	P1	03	1	3		67	PSV	Vietnamese
6	LÊ TÙNG LÂM	P1	01	1	5		60	PSV	Vietnamese
7	HA VAN NIEM	P1	06	1	5		76	PSV	Vietnamese
8	HOÀNG ANH GIANG	PPD	21-23	3	20		65	THANH TH	Vietnamese
9	DUƠNG BAO TRUNG	PPD	24-25	2	6		65	THANH TH	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TỊNH	PPD	27	1	8		70	ĐK9	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LÂM	PPD	26	1	10		92	ANTOAN	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC QUANG	PPD	28	1	3		72	PSV	Vietnamese
13	VŨ VĂN TIẾN	PPD	13	1	6		68	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC LINH	PPD	15	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	PPD					60	PSV	Vietnamese
16	TRẦN MINH THUẬN	PPD	20	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN DOANH	PPD	18	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	TẠ QUANG PHÚC	PPD	17	1	5		105	PSV	Vietnamese
19	LÊ TIẾN LỢI	PPD	16	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN TỌ	PPD	63	1	8		52	PSV	Vietnamese
21	HOÀNG XUÂN ĐÔNG	PPD	14	1	6		59	PSV	Vietnamese
22	DUƠNG TRƯỜNG LÂM	PPD	19	1	5		70	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	8	39	471	5	5		
2	PPD	15	17	96	1.055	0	12		
3	BK14	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	25	135	1.526	5	21		
WEIGHT KG				135	1.526	5			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: MRM - P4	CREW: HỒi - XHOÀN - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA THAI DUONG	MRM	01	1	6	40	52	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN LONG NHAT	MRM	02	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
3	DUONG QUOC VIET	MRM	07	1	11		59	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	06	1	11		86	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM THE TAM	MRM	08-09	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGO THANH SON	MRM	14	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LINH	MRM	10-11	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
8	DO TRONG HIEN	MRM	12-13	2	15		71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG SON	MRM	04	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
10	POPOV A	MRM	03,05	2	11		90	KHOAN	Russian
11	HOANG VAN TRUNG	P4	41-42	2	12	50	66	YTE	Vietnamese
12	TRAN NGOC MINH	P4	40	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
13	DO HOA VINH	P4				23	84	PSV	Vietnamese
14	PHAM HONG DIEN	P4	46	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	DOAN VAN TUYEN	P4	39	1	2		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN HONG	P4	43	1	4		52	PSV	Vietnamese
17	VO VAN DUNG	P4	44	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	LUU DINH THAI	P4	36	1	4		54	PSV	Vietnamese
19	PHAM NGOC CHI	P4	45	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	DOAN VAN AI	P4	38	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	LE DAC NHA	P4	37	1	3		60	PSV	Vietnamese
22	BUI DUC ANH	P4	47	1	6		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	14	103	695	40	2		
2	P4	12	12	53	789	73	11		
TOTAL		22	26	156	1.484	113	13		
WEIGHT KG				156	1.484	113			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 01	TO: BK3 - P2 - VSP01	CREW: QViệt - VThắng - HIẾU	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TIẾN TOÀN	BK3	03	1	15		66	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY BÀI	BK3	01-02	2	16		80	CODIEN	Vietnamese
3	HÀ NHƯ QUÝ	BK3	100	1	6		69	CODIEN	Vietnamese
4	KIM NHẬT THÀNH	BK3	41,48	2	21		67	CODIEN	Vietnamese
5	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	P2	33	1	3	40	58	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	P2	24	1	3	115	70	D-HANH	Vietnamese
7	TRƯƠNG SỸ GIANG	P2	25-26	2	10		66	NIPI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG TÂN	P2	40	1	5		59	PSV	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC THUẬN	P2	31	1	10		77	PSV	Vietnamese
10	PHAN ĐỨC THUẬN	P2	28	1	5		72	PSV	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC CUÔNG	P2	29	1	3		65	PSV	Vietnamese
12	BUI LONG HUNG	P2	27	1	5		66	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN ĐỨC	P2					57	PSV	Vietnamese
14	LÊ XUÂN ĐAM	P2	32	1	3		70	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN ĐẠI	P2	30	1	8		74	PSV	Vietnamese
16	LƯU VĂN KHUÔNG	VSP01	87-88	2	11		73	ĐK09	Vietnamese
17	BUI SONG TOÀN	VSP01	86	1	8		72	ĐK09	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	85	1	9	17	69	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ TRỌNG ĐỨC	VSP01	82	1	9	28	70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	4	6	58	282	0	0		THAO 1 GHE DOI CHO HANG TREN CABIN
2	P2	11	11	55	734	155	10		
3	VSP01	4	5	37	284	45	7		
TOTAL		19	22	150	1.300	200	17		
WEIGHT KG				150	1.300	200			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: P10 - CTK3 - RP1	CREW: Văn - VLin - NNam	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH TUÂN	P10	33	1	6		71	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	P10	32	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ HIỆP PHÚ	P10	34	1	5		56	ANTOAN	Vietnamese
4	HỒ NGỌC THANH	P10	30	1	6		58	PSV	Vietnamese
5	PHẠM VIỆT LÝ	P10	35	1	5		74	PSV	Vietnamese
6	TRẦN VĂN MINH	P10	29	1	5		84	PSV	Vietnamese
7	LÊ VIỆT KHANG	P10	28	1	3	80	57	PSV	Vietnamese
8	ĐÀO VĂN DUNG	P10	72	1	3		70	PSV	Vietnamese
9	PHẠM THẾ CÔNG	P10	31	1	5		58	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN TRI TIN	CTK3	22,28	2	15		70	SAN BAY	Vietnamese
11	PHAN VĂN TUÂN	CTK3	31	1	3		74	PSV	Vietnamese
12	LÊ ĐAM	CTK3	24	1	5		67	PSV	Vietnamese
13	VŨ NGỌC NAM	CTK3	32	1	5		82	PSV	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC NINH	CTK3	29-30	2	11		78	PSV	Vietnamese
15	LÊ QUANG HA	CTK3	25	1	7	23	70	PSV	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC CĂN	CTK3	26	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	23	1	5		61	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH TIẾN	CTK3	33	1	7		54	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	CTK3	36	1	8		64	PSV	Vietnamese
20	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	27	1	3		83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	9	9	42	593	80	8		
2	CTK3	11	13	73	773	23	12		
3	RP1	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		20	22	115	1.366	143	22		
WEIGHT KG				115	1.366	143			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

